|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | GHI CHÚ |
|  | TUẦN 9 |
| Chủ đề - tên bài học | CHỦ ĐỀ : VĂN TỰ SỰ VÀ TỔNG KẾT TỪ VỰNG   * Yếu tố miêu tả và miêu tả nội tâm trong văn tự sự * Tổng kết từ vựng * Thuật ngữ |
| Hoạt động 1  -Giao nhiệm vụ | - Tìm hiểu về văn tự sự, các yếu tố miêu tả và miêu tả nội tâm.  - Thực hành qua các tác phẩm đã học |
| Hoạt động 2  Tìm hiểu bài học | **Thuật ngữ ( Khuyến khích tự học)**  **I. Thuật ngữ là gì:**  **1.So sánh hai cách giải thích:**  a)Cách giải thích thứ nhất là cách giải thích nghĩa của từ ngữ thông thường  b) Cách giải thích thứ hai là cách giải thích nghĩa của thuật ngữ.  **2. Những định nghĩa:**  Địa lý (Thạch nhũ), hóa học (Bazơ), ngữ văn (Ẩn dụ), toán học (Phân số).  *Những từ ngữ chủ yếu được dùng trong loại văn bản*  khoa học, kỹ thuật công nghệ.    **=>** Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ.  - ***Ví dụ:***  Phân số thập phân là phân số mà mẫu là luỹ thừa của 10.  🡪 Phân số thập phân 🡪 Thuật ngữ.  **II.** **Đặc điểm của thuật ngữ:**  ***Ví dụ:***  a) Muối là một hợp chất có thể hòa tan trong nước.  b) Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau.  🡺 a) Muối 🡪 Thuật ngữ.  b) Muối 🡪 Không phải là thuật ngữ (Có tính biểu cảm).  -> Về nguyên tắc, trong một lĩng vực khoa học, công nghệ nhất định, mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm, và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ.  - Thuật ngữ không có tính biểu cảm  **III.Luyện tập:**  **Bài tập 1:** Lực ,xâm thực, hiện tượng hóa học, trường từ vựng, di chỉ, thụ phấn,lưu lượng, trọng lực,khí áp,đơn chất,thị tộc phụ hệ ,đường trung trực.  **Bài tập 2** :  Điểm tựa là một thuật ngữ vật lí,có nghĩa là điểm cố định của một đòn bẩy,thông qua đó lực tác động được truyền tới lực cản.  **Bài 3:**  a)Từ hỗn hợp được dùng như mộtthuật ngữ  b) Từ hỗn hợp được dùng như một từ thông thường.  **MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**  **I. Vai trò của miêu tả trong văn bản tự sự:**  **a.**Đoạn văn kể chuyện vua Quang Trung chỉ huy đánh đồn Ngọc Hồi tiêu diệt quân Thanh.  b) Các yếu tố miêu tả:  -Nhân có gió bấc…hại mình.  -Quân Thanh chống không nổi… mà chết.  -Nếu chỉ kể lại việc diễn ra như thế thì câu chuyện không sinh động, vì chỉ đơn giản kể lại các sự việc, tức là chỉ mới trả lời câu hỏi việc gì, chứ chưa trả lời câu hỏi việc đó diễn ra như thế nào.  -**>** Trong văn bản tự sự, sự miêu tả cụ thể, chi tiết về cảnh vật, nhân vất và sự việc có tác dụng làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn. gợi cảm, sinh động  **II.Luyện tập:**  **Bài tập 1** :  + Nguyễn Du đã sử dụng rất nhiều yếu tố miêu tả, nhất là tả người. Nhằm tái hiện lại chân dung “Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười” của Thuý Kiều và Thuý Vân. Tác giả đã sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng, một thủ pháp quen thuộc và nổi bật trong văn thơ cổ.  ***Bài tập 2:*** Giới thiệu vẻ đẹp chị em Thuý Kiều bằng lời văn của em.  **TRAU DỒI VỐN TỪ ( Khuyến khích tự học)**  **I. Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ:**  **1.Ví dụ:(sgk)**  -Tiếng Việt ta rất giàu và đẹp. - Muốn phát huy tốt khả năng của tiếng việt phải không ngừng trau dồi vốn từ  **2.Xác định lỗi diễn đạt:**  a)Thừa từ đẹp.  -Đã dùng thắng cảnh thì không dùng từ đẹp nữa vì thắng cảnh có nghĩa là cảnh đẹp.  b) Dùng sai từ: dự đoán.  c) Dùng sai từ: đẩy mạnh.  **->** Muốn sử dụng tốt Tiếng Việt, trước hết cần trau dồi vốn từ. Rèn luyện để nắm được đầy đủ và chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ là việc rất quan trọng để trau dồi vốn từ.  **II.** **Rèn luyện để làm tăng vốn từ:**  **Ý kiến Tô Hoài:** Nguyễn Du trau dồi vốn từ bằng cách học lời ăn tiếng nói của nhân dân để làm tăng số lượng vốn từ  -> Rèn luyện để biết thêm những từ chưa biết, làm tăng vốn từ là việc thường xuyên phải làm để trau dồi vốn từ.  **MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**  **I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự:**  1**. Đọc lại đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích:**  *Những câu thơ miêu tả cảnh sắc bên ngoài và những câu thơ miêu tả bên trong của Thúy Kiều ở đoạn trích.*  - Miêu tả ngoại cảnh.  “Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân  ……….  Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia”  - Hoặc: “Buồn trông cửa bể chiều hôm  Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”  - Những câu thơ miêu tả nội tâm  “Bên trời gốc bể bơ vơ    Đoạn đầu miêu tả khung cảnh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích.  - Đoạn sau tập trung miêu tả “Khung cảnh” những suy nghĩ bên trong của nàng Kiều. (Nghĩ thầm về thân phận cô đơn bơ vơ…, về cha mẹ ở quê nhà không ai phụng dưỡng…).  - Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự là tái hiện những ý nghĩ, cảm xúc và diễn biến tâm trạng của nhân vật. Đó là biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật, làm cho nhân vật sinh động.  - Người ta có thể miêu tả nội tâm trực tiếp bằng cách diễn tả những ý nghĩ cảm xúc của nhân vật, cũng có thể miêu tả nội tâm gián tiếp bằng cách miêu tả cảnh vật, nét mặt, cử chỉ, trang phục của nhân vật.  **II.** **Luyện tập:**  ***1.Bài tập 1:*** (Trang 117).  *a) Tìm những câu thơ:*  - Miêu tả chân dung bên ngoài của Mã Giám Sinh.  - Miêu tả nội tâm Thuý Kiều.  *b) Chuyển đoạn thơ thành đoạn văn tự sự.*  ***2.Bài tập 2:*** (Trang 117).  Đóng vai nàng Kiều kể lại việc báo ân, báo oán. Miêu tả tâm trạng Kiều lúc gặp Hoạn Thư.    ***3.Bài tập 3:*** (Trang 117).  Kể lại một câu chuyện có kết hợp miêu tả tâm trạng. |
| Hoạt động 3  Luyện tập | * Luyện tập viết đoạn văn kể chuyện vua Quang Trung đánh quân Thanh ( Hồi 14 – Hoàng Lê Nhất Thống Chí) |
|  | Tuần 10 |
| Hoạt động 1  Giao nhiệm vụ | - Tìm hiểu về văn tự sự, các yếu tố miêu tả và miêu tả nội tâm.  - Thực hành qua các tác phẩm đã học |
| Hoạt động 2  Bài học | **TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG**  **( Khuyến khích tự học – Trừ mục III, IV,VIII, IX)**  **I. Từ đơn và từ phức:**  ***1. Từ đơn:*** Chỉ từ gồm một tiếng.  ***2. Từ phức:*** Từ gồm hai hay nhiều tiếng trở lên. Từ phức gồm:  a) Từ ghép: Các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.  b) Từ láy: Các tiếng láy âm thanh của nhau.  **II.** **Thành ngữ:** Là loại tổ hợp từ cố định có tính biểu cảm cao và thường có tính hình tượng.  ***Ví dụ:*** - Ếch ngồi đáy giếng.  - Cá chậu chim lồng.  I**II. Nghĩa của từ:**  **-**Nghĩa của từ là nội dung mà từ đó biểu thị  Nghĩa của từ    Nghĩa gốc Nghĩa chuyển  **IV. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ:**  - Từ có thể có nhiều nghĩa do hiện tượng chuyển nghĩa tạo ra.  + Từ nhiều nghĩa: Từ có thể có một nghĩa hay nhiều nghĩa.  + Hiện tượng chuyển nghĩa của từ: Là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ, tạo ra những từ nhiều nghĩa.  **V. Từ đồng âm:**  - Từ đồng âm là những từ phát âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau.  - Từ nhiều nghĩa: Các nghĩa có liên quan với nhau.  + Hai từ đồng âm là 2 từ khác nhau.  ***Ví dụ:*** Cái ca, ca hát.  + Từ nhiều nghĩa: Chỉ 1 từ.  ***Ví dụ:*** Lá xanh (Nghĩa gốc).  Lá phổi (nghĩa chuyển).  **VI.** **Từ đồng nghĩa:** Là những từ có nghĩa tương tự nhau.  ***Ví dụ:***  **VII. Từ trái nghĩa:** Là những từ có ý nghĩa trái ngược nhau.  ***Ví dụ:*** Xấu - Đẹp.  Xa - Gần.  **VIII. Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ:**  - Nghĩa của một từ ngữ có thể rông hơn hay hẹp hơn nghĩa của từ ngữ khác gọi là cấp độ khái quát nghĩa của từ ngữ.  Sơ đồ sách giáo khoa trang 126.  **IX. Trường từ vựng:**  Là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.  **TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG *(Tiếp theo)***  **( Khuyến khích tự học)**  **I. Sự phát triển của từ ngữ tiếng Việt:**  ***1. Phát triển từ vựng bằng hình thức phát triển nghĩa của từ:***  ***Ví dụ:***  - Ăn cơm, ăn ảnh, ăn khách.  - Chân bàn, chân núi, chân đèo, chân mây…  - Đầu súng, đầu tàu, đầu làng…  ***2. Phát triển từ vựng bằng hình thức tăng số lượng từ ngữ:***  *a) Cấu tạo từ ngữ mới:* Tiếp thị, thương hiệu, đường dây nóng…  *b) Mượn từ ngữ nước ngoài:* Yauor, internet, chat, game, video karaoke.  **II.** **Trau dồi vốn từ:**  ***1. Rèn luyện để biết rõ nghĩa của từ và cách dùng từ***  ***2. Rèn luyện để làm tăng vốn từ về số lượng***  **III. Từ mượn và từ Hán Việt:**  ***1. Từ mượn:*** Là từ có mguồn gốc từ ngôn ngữ nước ngoài.  ***2. Từ Hán Việt:*** Là từ có nguồn gốc tiếng Hán đã được người Việt sử dụng theo cách của mình.  **IV. Thuật ngữ và biệt ngữ xã hội:**  ***1. Thuật ngữ:*** Là từ ngữ thể hiện khái niệm khoa học kỹ thuật, công nghệ.  ***Ví dụ:*** Bazơ, số thập phân…  ***2. Biệt ngữ xã hội:*** Là những từ ngữ dùng trong nhóm người nhất định.  ***Ví dụ:***Ôsin (Người giúp việc)  **V.Trau dồi vốn từ:**  **1. Ôn lại các hình thức trau dồi vốn từ:**  Giải thích nghĩa của các từ ngữ:  -**Bách khoa toàn thư**:Từ điển bách khoa ghi đầy đủ các nghành.  -**Bảo hộ mậu dịch**: chính sách bảo vệ hàng sản xuất trong nước.  **-Dự thảo**: Bản thảo đưa ra để thông qua.  -**Đại sứ quán**: Cơ quan đại diện chính thức và toàn diện.  **TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG**  ***(Tiếp theo)***  **I. Từ tượng thanh và từ tượng hình: ( Khuyến khích tự học)**  ***1. Từ tượng thanh:***  -Là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, con người.  ***Ví dụ:*** Ầm ầm, líu lo…  ***2. Từ tượng hình:***  - Là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ hoạt động.  ***Ví dụ:*** Lom khom…  **II.** **Các biện pháp tu từ vựng:**  1. So sánh,ẩn dụ ,nhân hóa,hoán dụ ,nói quá, nói giảm nói tránh,điệp ngữ,chơi chữ.  \* Làm các bài tập 2, 3, 4 (sách giáo khoa trang 147, 148).  **Bài tập 2**:  a)Tu từ (Ẩn dụ): Hoa, cánh, cây lá 🡪 Thuý Kiều bán mình để cứu gia đình.  b) Tu từ (So sánh): So sánh tiếng đàn Kiều với tiếng hạc, tiếng suối, tiếng gió thoảng, tiếng mưa.  c) Phép nói quá: Ấn tượng tài sắc của Kiều.  d) Phép nói quá: Sự xa cách giữa thân phận, cảnh ngộ của Kiều và Thúc Sinh.  e) Phép chơi chữ: Tài và tai.  **Bài tập 3:**  Phép điệp ngữ: (Còn), đa nghĩa (Say sưa?  b) Nói quá: Sự lớn mạnh của nghĩa quân Lam Sơn.  c) Phép so sánh: Tiếng suối như tiếng hát.  d) Nhân hóa: Trăng thở nên gần gũi với nhà thơ.  e) Ẩn dụ: Mặt trời. |
| Hoạt động 3  Luyện tập | * Thống kê các biện pháp tu từ đã học * Lập bảng cấu tạo từ vựng * Xác định một số biện pháp tu từ qua đoạn trích “ Chị em Thúy Kiếu” của Nguyễn Du |